

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày 13-11-2017
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngọc Yến

2. Ông Nguyễn Xuân Thí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 829/2017/QĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Quốc T, sinh ngày 17/7/1971; hiện trú tại: thôn N, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 19/5/1976.

Hiện trú tại: Rupperecht. Stra Bc -17.10317. B, Cộng hoà liên bang Đức.

Nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: thôn N, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn về việc “Ly hôn” ngày 28/12/2016, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Hoàng Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Quốc T và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam vào ngày 23/10/2001. Sau khi kết hôn, năm 2006 vợ chồng bàn bạc thống nhất để chị L đi làm ăn tại Cộng hoà Liên bang Đức. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ thời gian này. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau về vấn đề tình cảm lẫn kinh tế, vợ chồng mâu thuẫn kéo dài. Anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị L để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: anh T trình bày vợ chồng có hai con chung là cháu Hoàng Quang T1, sinh ngày 29/01/1994, hiện cháu T1 đang sống cùng anh T tại thôn N, xã

Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và cháu Hoàng Thị Tùng D sinh ngày 03/04/1997, hiện nay đi làm ăn xa. Hai con đã trên mười tám tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía chị Nguyễn Thị L: sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và văn bản yêu cầu chị L có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Quốc T. Ngày 28/8/2017, chị Nguyễn Thị L đã có văn bản trình bày quan điểm về việc anh T xin ly hôn như sau:

- *Về tình cảm:* Chị L thừa nhận thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn đúng như anh T trình bày. Do cuộc sống mỗi người một nơi, giữa vợ chồng thiếu niềm tin và sự quan tâm lẫn nhau nên đã dẫn đến xung đột, mâu thuẫn kéo dài. Nay chị L đã có cuộc sống ổn định ở nước ngoài và chưa có dự định về nước, chị và anh T hiện không còn có tiếng nói chung và không thể hòa hợp được nữa. Vì vậy, nay anh T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị, chị đồng ý.

- *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản:* Vợ chồng thống nhất tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vì điều kiện chị Nguyễn Thị L đang ở nước ngoài, chưa thể về Việt Nam để trực tiếp tham gia giải quyết vụ án được, chị L yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Quốc T, xử cho anh Hoàng Quốc T được ly hôn chị Nguyễn Thị L; Về con chung, Tài sản chung: anh T và chị L không yêu cầu, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L là bị đơn hiện ở nước ngoài, theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ công an chị Nguyễn Thị L đã sử dụng hộ chiếu số A1324634A xuất cảnh ngày 19/02/2006 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự,

đồng thời chị L có bản tự khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên toà vắng mặt chị Nguyễn Thị L theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Quốc T và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2001 tại UBND xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thì đến năm 2006 vợ chồng bàn bạc thống nhất để chị L đi làm ăn tại Cộng hoà Liên bang Đức. Trong thời gian dài vợ chồng sống xa nhau, giữa vợ chồng đã không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau thường xuyên nên đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự thừa nhận của hai bên là do bất đồng về kinh tế lẫn tình cảm, không ai có mong muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Anh T có yêu cầu ly hôn và được chị L đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Quốc T, xử cho anh Hoàng Quốc T được ly hôn chị Nguyễn Thị L là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: vợ chồng có hai con chung là Hoàng Quang T1, sinh ngày 29/01/1994 và Hoàng Thị Tùng D, sinh ngày 03/04/1997 hiện các con đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập nên các bên không có yêu cầu.

[4]. *Về tài sản*: Các bên tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết.

[5]. *Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp*: anh Hoàng Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều: 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 474, Điều 475, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Quốc T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2.Về quan hệ con cái: Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.Về quan hệ tài sản: Các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Hoàng Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số 0000150 ngày 11/01/2017 và biên lai số 00484 ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Án sơ thẩm xử công khai, anh Hoàng Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB(P9)
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Lưu VP TD, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Võ Thị Kim Nhung

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB(P5);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

Võ Thị Kim Nhung